TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **44**/2018/HS-ST
Ngày 15-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Quang Vinh

Ông Trần Đại Nghĩa

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà:*** Bà Hà Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Chang Thị D (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 13 tháng 5 năm 1970 tại xã N, huyện M1, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chang A Đ (đã chết) và bà Giàng Thị M2 (đã chết); có chồng Thào A Ch (đã chết) và 05 con (con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 30-6-2018, bị tạm giam từ ngày 03-7-2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Vàng Thị B (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1932 tại huyện M, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Bản K, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa : Không biết chữ; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Súa V (đã chết) và bà Giàng Thị V1 (đã chết); có chồng Giàng Chờ E (đã chết) và 05 con (con lớn nhất sinh năm

1958, con nhỏ nhất sinh năm 1985); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 30-6-2018 và đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 12 ngày 03-7-2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M, tỉnh Yên Bái (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Chang Thị D*: Ông Phạm Q - Luật sư Văn phòng Luật sư Quang Vinh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị B*: Ông Vương Văn Đ1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái (vắng mặt, đã có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Thào A R, sinh năm 1991 (là con trai Chang Thị D); nơi cư trú: Bản P, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

2. Thào Thị C, sinh năm 1986 (là con gái Chang Thị D); nơi cư trú: Bản P, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái (có mặt).

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc H'Mông:* Ông Giàng A Kh, sinh năm 1962 - Trưởng phòng công tác đoàn thể, Ban Dân vận, Tỉnh ủy Yên Bái (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 05 giờ 50 phút ngày 30-6-2018 tại bản L, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái, Công an xã K, huyện M phát hiện Vàng Thị B đang tàng trữ trên người 01 gói chất nhựa dẻo màu nâu đen được gói bằng mảnh nilon có nhiều màu sắc và ký tự được để trong 01 lọ nhựa màu trắng, có nắp đậy, chiều cao khoảng 03cm. Vàng Thị B khai nhận đó là gói thuốc phiện vừa mua của Chang Thị D ở Bản P, xã K, huyện M với giá 150.000 đồng, mục đích mang về để sử dụng cho bản thân. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vàng Thị B, kết quả không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến ma túy.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật của Chang Thị D, đã thu giữ: 03 gói bằng mảnh nilon màu đen, 02 gói bằng mảnh nilon màu xanh, 02 gói bằng giấy màu trắng bên trong các gói đều có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen; 01 cân tiểu ly vỏ gỗ tự chế; 01 kéo kim loại có chuôi màu xanh; 01 chiếc bao tải xác rắn

nhiều màu sắc, có quai; 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu xanh, chiều cao khoảng 20cm; 01 ví vải màu đen và số tiền 1.470.000 đồng.

Quá trình điều tra, Chang Thị D khai nhận: Khoảng 05 ngày trước khi bị bắt, có một người đàn ông tên T (Là người quen của Thào A Ch - chồng D) đến nhà D chơi và nói với D có 1,7 kg thuốc phiện, nếu mua T bán với giá 35.000.000 đồng. D nói chỉ có 10.000.000 đồng, T bảo cứ đưa trước 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 10 ngày sau T sẽ quay lại lấy. Sau đó T cho D kiểm tra chất lượng thuốc phiện. D đồng ý mua và nhận của T 01 lọ nhựa màu trắng đựng trong một chiếc bao tải có nhiều màu sắc, bên trong lọ nhựa có 07 gói thuốc phiện được gói bằng nilon và giấy có màu sắc khác nhau. D để bao tải đó vào chân giường ngủ và lấy số tiền 10.000.000 đồng đưa cho T. Sau khi nhận đủ tiền, T bảo D đưa điện thoại để lưu số điện thoại của mình và dặn D khi nào bán được thuốc phiện thì gọi T đến lấy tiền. Đến tối ngày 29-6-2018 D lấy 01 gói thuốc phiện trong lọ nhựa ra, dùng kéo cắt một ít trộn vào thức ăn cho gia súc, gia cầm, sau đó để gói thuốc phiện này luôn trên giường ngủ của mình. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30-6-2018 Vàng Thị B đến nhà D hỏi D "Có thuốc phiện bán không?", đưa cho D một mảnh nilon và bảo D bán cho 150.000 đồng. D đi vào giường ngủ, dùng kéo cắt từ gói thuốc phiện để trên giường và dùng cân tiểu ly cân 08 phân thuốc phiện rồi gói vào mảnh nilon và đưa cho B. Sau khi nhận thuốc phiện Vàng Thị B mang đi đâu làm gì thì D không biết. Trong quá trình điều tra Chang Thị D khai nhận mục đích mua và cất giấu số thuốc phiện nói trên là để bán kiếm lời với giá 30.000.000 đồng/01kg.

Tại bản Kết luận giám định số: 170/KLGĐ ngày 05-7-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: Số tiền 1.470.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ khi khám xét khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật của Chang Thị D gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại Bản kết luận giám định số 146/GĐMT ngày 08-7-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

+ Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi bắt quả tang Vàng Thị B có khối lượng là 2,09 gam (Hai phẩy không chín gam); 2,09 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen gửi giám định là ma túy; là Thuốc phiện. Không hoàn lại mẫu vật giám định.

+ Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ khi khám xét nơi ở của Chang Thị D có tổng khối lượng 1.674,5 gam (Một nghìn sáu trăm bảy tư phẩy năm gam);

43,5 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen trích từ 1.674,5 gam gửi giám định là ma túy; là Thuốc phiện. Không hoàn lại mẫu vật giám định.

Thuốc phiện và các chế phẩm từ thuốc phiện nằm trong Danh mục II, STT: 398, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS-P1 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Chang Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vàng Thị B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Chang Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Vàng Thị B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chang Thị D từ 15 năm 6 tháng đến 16 năm 6 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ 30-6-2018.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vàng Thị B từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 30-6-2018 đến ngày 03-7-2018). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 47 và k3hoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội như bản cáo trạng đã truy tố;

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Chang Thị D là người dân tộc thiểu số, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo có bố đẻ là người có công với nước được tặng thưởng Huân

chương kháng chiến hạng nhì là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vàng Thị B là người dân tộc thiểu số, phạm tội là người từ đủ 70 tuổi trở lên, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Chang Thị D được hưởng mức án thấp; bị cáo Vàng Thị B được hưởng án treo và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Chang Thị D và Vàng Thị B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai nhận tại cơ quan điều tra; các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với nội dung bào chữa của người bào chữa; các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của các bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thào A R vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có đơn đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền 320.000 đồng; chị Thào Thị C đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền 1.000.000 đồng vì xác định những khoản tiền nêu trên không liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Chang Thị D và Vàng Thị B đã khai nhận toàn bộ hành vi do các bị cáo thực hiện. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Hồi 05 giờ 50 phút ngày 30-6-2018 tại Bản P, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái, Chang Thị D đã bán cho Vàng Thị B 01 gói ma tuý (thuốc phiện) giá

150.000 đồng thì bị Công an phát hiện, bắt giữ; giám định có khối lượng là 2,09gam thuốc phiện. Ngoài ra, D còn tàng trữ 1.674,5 gam thuốc phiện với mục đích để bán kiếm lời.

Đối với Vàng Thị B ngày 30-6-2018 đã mua của Chang Thị D 2,09 gam thuốc phiện, với giá 150.000 đồng về sử dụng cho bản thân thì bị bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Chang Thị D đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Vàng Thị B đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố đối với bị cáo Vàng Thị B và bị cáo Chang Thị D là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy mà còn gây hậu quả xấu đến tình hình trật tự, an ninh, an toàn xã hội, cũng như sức khỏe của con người và còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị coi là tội phạm nhưng do Chang Thị D hám lời, Vàng Thị B nghiện chất ma túy nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, không có đồng phạm, mỗi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, động cơ, mục đích khác nhau. Do đó, cần phải có mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo gây ra để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung trong tình hình hiện nay.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa không biết chữ, bản thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo Chang Thị D có bố đẻ là ông Chang A Đ là người được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chướng Kháng chiến hạng nhì. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Vàng Thị B: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người từ đủ 70 tuổi trở lên nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bản thân Vàng Thị B là người nghiện chất ma tuý nên bị cáo không được hưởng án treo. Các bị cáo Chang Thị D và Vàng Thị B không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Chang Thị D và Vàng Thị B đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K thì cả hai bị cáo đều thuộc diện hộ cận nghèo (BL 165-167), bị cáo Chang Thị D không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo Vàng Thị B là người đã cao tuổi, già yếu không còn khả năng lao động, không có tài sản riêng sống phụ thuộc vào kinh tế của con trai nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:

- Đối với 1.674,5 gam thuốc phiện thu giữ tại nơi ở của Chang Thị D, đã trích gửi mẫu giám định 43,5 gam, còn lại sau khi giám định là 1.631 gam, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 02 vỏ bì niêm phong tiền, 04 vỏ phong bì và giấy gói sau khi ở niêm phong; 01 vỏ bìa cát tông sau khi mở niêm phong; 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu xanh, chiều cao khoảng 20cm; 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu trắng, chiều cao khoảng 03cm; 01 ví vải màu đen, đã qua sử dụng; 01 cân tiểu ly tự chế, có vỏ bằng gỗ; 01 kéo kim loại, có chuôi màu xanh; 01 bao tải xác rắn, nhiều màu sắc, có quai là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 150.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ tại nơi ở của bị cáo Chang Thị D, đây là số tiền mà D được hưởng lợi do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 320.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ tại nơi ở của bị cáo Chang Thị D, đây là số tiền thu nhập hợp pháp của anh Thào A R và chị Thào Thị C không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho anh Thào A R số tiền 320.000 đồng và trả lại cho chị Thào

Thị C số tiền 1.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Trong vụ án này, còn có người đàn ông tên là T, theo lời khai của Chang Thị D, T là người đã bán thuốc phiện cho D. Tuy nhiên, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo D khai không biết rõ họ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của người này. Chiếc điện thoại của D khi T bán thuốc phiện cho D, T có lưu số điện thoại của T cho D nhưng D khai chiếc điện thoại này bị rơi mất. Do không xác định rõ lai lịch và địa chỉ cụ thể của người đàn ông tên T nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo Chang Thị D và Vàng Thị B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Chang Thị D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Vàng Thị B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chang Thị D **15** (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 30-6-2018.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vàng Thị B **01** năm (một) năm tù được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 30-6-2018 đến ngày 03-7-2018), bị cáo còn phải chấp hành **11**(mười một) tháng **27** (hai mươi bảy) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái cho đến khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau đây:

+ 01(Một) phong bì niêm phong vật chứng của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Yên Bái. Mặt trước ghi "Vật chứng là nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ trên giường ngủ của Chang Thị D ngày 30-6-2018 (sau khi đã trích mẫu giám định)". Sau khi giám định, còn lại 113,7 gam thuốc phiện;

+ 01(Một) hộp niêm phong bằng giấy, được bọc giấy trắng bên ngoài. Một mặt ghi "Vật chứng là nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ tại chân giường ngủ của Chang Thị D ngày 30-6-2018 (sau khi đã trích mẫu giám định)". Sau khi giám định, còn lại 1.517,3 gam thuốc phiện.

+ 02(Hai) vỏ bì niêm phong tiền, 04 vỏ phong bì và giấy gói;

+ 01(Một) vỏ bìa cát- tông sau khi mở niêm phong;

+ 01(Một) lọ nhựa màu trắng, nắp màu xanh, chiều cao khoảng 20cm;

+ 01(Một) lọ nhựa màu trắng, nắp màu trắng, chiều cao khoảng 03cm;

+ 01(Một) ví vải màu đen, đã qua sử dụng;

+ 01(Một) cân tiểu ly tự chế, có vỏ bằng gỗ;

+ 01(Một) kéo kim loại, có chuôi màu xanh;

+ 01(Một) bao tải xác rắn, nhiều màu sắc, có quai.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 150.000 đồng trong tổng số tiền 1.470.000 đồng (tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) thu giữ của bị cáo Chang Thị D.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho anh Thào A R số tiền 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng);

+ Trả lại cho chị Thào Thị C số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

(Toàn bộ số vật chứng và tài sản thu giữ nêu trên có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-10-2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái và Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Chang Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vàng Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Chang Thị D, Vàng Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan Thào Thị C có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Thào A R có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GĐKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan CSĐT Công an T.Yên Bái (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Trại Tạm giam tỉnh Yên Bái;
- Phòng KTNV và THA TAND T.Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo (2);
- Người bào chữa cho các bị cáo (2);
- Người có quyền lợi liên quan (2);
- Lưu: Hồ sơ, Tập án, Tiểu hồ sơ, HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Quang Vinh **Trần Đại Nghĩa** **Nguyễn Thị Thu Lan**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GĐKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Trại Tạm giam tỉnh Yên Bái;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo (2);
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án, Tiểu hồ sơ, HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Lan